

Bản án số: 58/2019/DS-PT

Ngày: 27-5-2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Ông Hà Văn Chuyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày từ ngày 23 đến ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2019/DSPT ngày 04 tháng 3 năm 2019 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất và tranh chấp thừa kế.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân thị xã C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 72A/2019/QĐPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn L, sinh năm 1937 (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Đỗ Thị Thúy P, sinh năm 1964 (Có mặt)

Cùng hộ khẩu thường trú: Tổ 01, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 11, khu phố D, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ Trọng Q, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

- Ủy ban nhân dân thị xã C; Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Mạnh D-
chức vụ: Chủ tịch UBND thị xã C; người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Mạnh D:
Ông Tô Mạnh H- Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thị xã C.
(vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Đỗ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Văn L và người đại diện theo ủy quyền là bà Đỗ Thị Thúy P trình bày:

Vào năm 1984 ông Đỗ Văn L có đưa cho ông Đỗ Thanh L1 62.000 đồng (Sáu mươi hai nghìn đồng), để nhận chuyển nhượng lại thửa đất diện tích khoảng 4 sào (4.000m²) của bà H Thị T. Thửa đất trên hiện nay tọa lạc tại tổ 1, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Phước. Việc ông L đưa tiền cho ông L1 để nhận chuyển nhượng thửa đất trên có ông Phạm Đình D biết, sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên gia đình cùng sinh sống trên đất, ông L ủy quyền cho bà P đứng tên chủ hộ và đóng thuế nông nghiệp đối với thửa đất. Ngày 11/4/1988 ông L chia cho ông L1 01 phần của thửa đất với chiều ngang 8m, chiều dài hết đất (khoảng 800m²) tương đương $\frac{1}{4}$ diện tích thửa đất, phần còn lại là của ông L. Khi phân chia có lập biên bản và có sự tham gia chứng kiến của ông T (không biết rõ họ tên, hiện nay đã chết), ông Nguyễn Quốc T lúc đó là cảnh sát khu vực và ông Đỗ Bá N (hiện nay không biết ở đâu). Sau khi phân chia cho ông L1 800m² đất, phần còn lại của ông L, ông L giao cho con là Đỗ Thanh L2 sử dụng sau đó ông L2 tự ý giao lại cho ông L1, đến khi ông L1 chết ông L2 bán lại cho bà H với giá 04 chỉ vàng.

Quá trình sử dụng, ông L1 tự ý làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất trên. Ngày 28/12/2005 Ủy ban nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước (nay là thị xã C, tỉnh Bình Phước) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H-101 với toàn bộ diện tích thửa đất là 3.705,5m² cho hộ ông Đỗ Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim H. Ngày 23/9/2009, ông L1 chết, sau khi ông L1 chết bà H âm thầm làm thủ tục đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua tên bà H. Ngày 23/10/2009, Ủy ban nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước (Nay là thị xã C, tỉnh Bình Phước) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02528 đối với thửa đất trên cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H. Năm 2014 Ủy ban nhân dân thị xã C đã ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02528 cấp ngày 23/10/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H.

Ông L khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả lại là 2905,5m² đất (3.705,5m² – 800m² đã cho ông L1) và yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L1 là 800m² đất ông L cho ông L1 năm 1988. Tại phiên tòa, bà P đại diện ông

L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L1 là 800m² đất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Toàn bộ thửa đất có diện tích 3.705,5m² là do ông L1 trực tiếp nhận chuyển nhượng từ bà H Thị T vào năm 1984, không có việc ông L đưa tiền cho ông L1 để nhận chuyển nhượng thửa đất trên như ông L trình bày. Sau khi nhận chuyển nhượng, đã được Ủy ban nhân dân huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước (Nay là thị xã C, tỉnh Bình Phước) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đỗ Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim H theo quy định của pháp luật. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L về việc buộc bà trả lại 2.905,5m² đất (3.705,5m² – 800m² đã cho ông L1). Đối với việc ông L yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L1 bà đề nghị xác định di sản của ông L1 như sau: Tổng diện tích thửa đất 3.705,5m² là tài sản chung của ông L1 và bà nên di sản của ông L1 là $\frac{1}{2}$ thửa đất với diện tích là 1.852,27m² (3.705,5m² : 2), chia cho những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất của ông L1 theo quy định của pháp luật. Bà không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Trọng Q trình bày:

Thửa đất là tài sản chung của ba, mẹ ông là ông Đỗ Thanh L1 và bà Nguyễn Thị Kim H do ông L1 nhận chuyển nhượng lại của bà H Thị T từ năm 1984. Năm 1988 mới sinh ông nên ông không có công sức đóng góp gì trong việc tạo lập thửa đất trên. Ông không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông L và cũng không yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L1. Ông đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông L theo quy định của pháp luật.

Ông Tô Mạnh H là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy Ban nhân dân thị xã C trình bày.

Năm 1998 ông Đỗ Thanh L1 và bà Nguyễn Thị Kim H làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tọa lạc tại tổ 2, ấp An Bình, xã An Phú, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước (Nay là tổ 1, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Phước). Ủy ban nhân dân huyện Bình Long (Nay là thị xã C) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất trên cho hộ ông Đỗ Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim H với diện tích là 3.542m². Năm 2005 ông L1, bà H làm thủ tục xin cấp chính quy. Qua đo đạc chính quy, diện tích thực tế của thửa đất là 3.705,5m². Ngày 28/12/2005 Ủy ban nhân dân huyện Bình Long (Nay là thị xã C) cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H-101 cho hộ ông Đỗ Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim H đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Ngày 21/10/2009, bà Nguyễn Thị Kim H làm đơn xin đăng ký biến động về sử dụng đất. Cụ thể là xin đăng ký sang tên đối với thửa đất trên từ hộ ông Đỗ Thanh L1,

bà Nguyễn Thị Kim H sang tên bà Nguyễn Thị Kim H với lý do ông Đỗ Thanh L1 đã chết. Ngày 23/10/2009 Ủy ban nhân dân huyện Bình Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02528 đối với thửa đất trên cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H. Tuy nhiên, ngày 11/7/2014 Ủy ban nhân dân thị xã C đã ra Quyết định số 1392/QĐ-UBND, ngày 15/4/2015 Ủy ban nhân dân thị xã C ra Thông báo số 87/TB-UBND về việc đính chính quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 11/7/2014 thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02528 cấp ngày 23/10/2009 cho hộ bà Nguyễn Thị Kim H. Nay ông Đỗ Văn L khởi kiện tranh chấp thửa đất trên và yêu cầu chia di sản thừa kế của ông L1, Ủy ban nhân dân thị xã C đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp của ông L theo quy định pháp luật. Sau khi bản án hoặc quyết định giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân thị xã C sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người có quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng ông Phạm Đình D trình bày.

Ông L là anh rể của ông, năm 1984 ông L đến gặp ba của ông hỏi lấy số vàng mà trước đó ông L gửi để mua đất vườn. Ông không biết ông L lấy vàng với số lượng bao nhiêu, ông cũng không biết việc ông L có đưa vàng hoặc tiền cho ông L1 để mua đất hay không.

Người làm chứng bà H Thị T trình bày:

Năm 1984, bà Thu có chuyển nhượng cho ông Đỗ Thanh L1 01 thửa đất nhưng không nhớ rõ diện tích là bao nhiêu. Tuy nhiên, toàn bộ thửa đất hiện tại bà H là vợ ông L1 đang quản lý, sử dụng tại tổ 1, khu phố A, phường B, thị xã C là do trước đây bà chuyển nhượng cho ông L1. Việc ông L có đưa tiền cho ông L1 để nhận chuyển nhượng đất của bà hay không bà không biết. Khi chuyển nhượng chỉ có một mình ông L1 gặp bà để thỏa thuận và trực tiếp trả cho bà số tiền 60.000 đồng (*Sáu mươi nghìn đồng*) để chuyển nhượng thửa đất trên nên theo bà nghĩ số tiền trên là tiền của ông L1.

Người làm chứng ông Đỗ Thanh L2 trình bày.

Ông L2 là con của ông L và là em của ông L1. Ông L2 không biết và không nghe nói việc ông L có đưa số tiền 62.000 đồng (*Sáu mươi hai nghìn đồng*) để ông L1 nhận chuyển nhượng lại đất của bà H Thị T vào năm 1984. Ông cũng không biết và cũng không nghe nói việc năm 1988 gia đình họp phân chia thửa đất và có phân chia cho ông, ông không có sinh sống trên thửa đất trên. Ông chỉ biết sau khi ông L1 nhận chuyển nhượng thửa đất trên của bà Thu vào năm 1984, ông L có cùng ông L1 sinh sống trên thửa đất. Đến năm 1987 hay 1988 ông không nhớ rõ ông L1 lập gia đình với bà H thì ông L tiếp tục sinh sống cùng ông L1, bà H và Đỗ Trọng Q (con của ông L1, bà H) đến năm 2006 ông L chuyển ra chợ Bình Long sống cùng bà P. Ông L1, bà H và

anh Quân tiếp tục sinh sống trên đất đến năm 2009 ông L1 chết thì bà H và Quân là người trực tiếp sinh sống và sử dụng thửa đất cho đến nay.

Người làm chứng Nguyễn Quốc T trình bày:

Năm 1988 ông L có mời ông đến chứng kiến việc phân chia thửa đất tại ấp E, xã G, huyện H (Nay là khu phố A, phường B thị xã C). Khi ông đến thì gia đình ông L đã thỏa thuận được với nhau và có lập biên bản phân chia nhưng ông không biết nội dung biên bản phân chia như thế nào vì do ông L tự lập. Ông không có ký tên vào biên bản phân chia trên vì đó là việc nội bộ của gia đình ông L, ông chỉ đến để giữ an ninh trật tự vì lúc đó ông làm cảnh sát khu vực.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã C đã quyết định:

Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đỗ Thanh L1 là 800 m² đất.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông Đỗ Văn L về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kim H trả lại 2.905,5m² trong diện tích 3.705,5m² của thửa đất số 74 tờ bản đồ số 30 trước đây đã được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H-101 cho hộ ông Đỗ Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 03/12/2018, nguyên đơn ông Đỗ Văn L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 19/2018/DSST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã C. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H trả lại diện tích đất 2905,5m² trong tổng số 3705,5m² thuộc thửa 74, tờ bản đồ số 30 tọa lạc tại tổ 02, khu phố A, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thúy P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn L. Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L đối với bản án sơ thẩm về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kim H trả lại 2.905,5m² trong diện tích 3.705,5 m² của thửa đất số 74 tờ bản đồ số 30 trước đây đã được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H-101 cho hộ ông Đỗ Thanh L1,

bà Nguyễn Thị Kim H. Sửa một phần bản án dân sự về phần án phí theo hướng miễn tiền án phí dân sự cho ông Đỗ Văn L vì ông L là người cao tuổi theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét nội dung kháng cáo của ông Đỗ Văn L và căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên,

Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Theo nội dung đơn khởi kiện, ông Đỗ Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả lại diện tích 2905,5m² đất trong tổng số 3.705,5m² đất do ông L đưa tiền cho ông L1 mua. Ông L cùng gia đình chỉ cho ông Đỗ Văn Long 800m² và yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L1 là 800m² đất ông L cho ông L1 năm 1988 nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông L là bà Đỗ Thị Thúy P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia thừa kế di sản của ông L1 là 800m² đất. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần vụ án đối với yêu cầu chia thừa kế 800m² của ông L1 là có căn cứ.

[2] Theo lời trình bày của nguyên đơn ông L thì diện tích 2.905,5m² đất ông L tranh chấp yêu cầu bà H trả lại nằm trong diện tích đất 3.705,5m², do ông L đưa cho ông L1 số tiền 62.000 đồng (*Sáu mươi hai nghìn đồng*) để nhận chuyển nhượng lại của bà H Thị T vào năm 1984. Năm 1988 gia đình họp và lập biên bản phân chia, chia cho ông L1 800m² đất, phần còn lại là của ông L. Tuy nhiên, ông L1, bà H tự ý kê khai cấp giấy chứng nhận toàn bộ diện tích nêu trên cho ông L, bà H làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông L. Khi Ủy ban nhân dân huyện Bình Long (nay là thị xã C) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1, bà H, ông L không biết. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H cho rằng sau khi phân chia cho ông L1 diện tích đất 800m², phần diện tích đất còn lại là của ông L, ông L giao cho ông Nguyễn Thanh Lâm (là em của ông L1) sử dụng nhưng sau đó ông L2 tự ý giao lại cho ông L1, đến khi ông L1 chết ông L2 bán cho bà H với giá 04 chỉ vàng.

Xét lời trình bày của ông L và bà P nhận thấy:

[3] Diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 74 tờ bản đồ số 30 có tổng diện tích là 3.705,5m², trước đây đã được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H-101 cho hộ ông Đỗ Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim H có nguồn gốc là của bà H Thị T do ông L1 và bà H nhận chuyển nhượng vào năm 1984 với giá 60.000.000 đồng theo giấy nhượng đất ngày 07/3/1984.

[4] Xét về số tiền nhận chuyển nhượng đất nhận thấy: Theo giấy nhượng đất ngày 07/3/1984 (Bút lục 181) thể hiện nội dung bà Thư chuyển nhượng lại cho ông Đỗ Thanh L1 01 khu đất diện tích khoảng 03 sào với số tiền là 60.000 đồng. Bà Thư ký tên dưới mục người nhượng đất, ông L1 ký tên dưới mục người làm chủ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/8/2018, (BL 185, 186), bà H Thị T cũng khẳng định “năm 1984 bà Thư có chuyển nhượng cho ông L1 một thửa đất nhưng không nhớ diện tích là bao nhiêu, bà khẳng định toàn bộ thửa đất hiện nay bà H đang sử dụng là thửa đất bà chuyển nhượng cho ông L1, khi chuyển nhượng đất chỉ có một mình ông L1 trực tiếp gặp bà thỏa thuận và trả tiền chuyển nhượng đất cho bà”. Ông L cho rằng ông đưa cho ông L1 số tiền 62 triệu đồng để ông L1 đi mua đất nhưng không có căn cứ gì chứng minh ngoài lời trình bày của ông Phạm Đình D. Nhưng theo lời trình bày của ông Dân thì vào năm 1984 ông L có gặp ba của ông Dân hỏi lấy lại số vàng mà trước đó gửi mua đất vườn, ông Dân không biết ông L có đưa tiền cho Long mua đất hay không. Như vậy, việc ông L cho rằng số tiền ông L1 mua đất là của ông L đưa là không có cơ sở.

[5] Xét bản phân chia đất ngày 11/4/1988 có nội dung ông L1 được ông L phân chia diện tích đất 800m² trong tổng số diện tích đất nhận chuyển nhượng của bà H Thị T thấy rằng: Ông L cho rằng tiền mua đất là của ông L nên khi chia đất gia đình ông có lập biên bản về việc phân chia đất ngày 11/4/1988 có ông T, ông N và ông Nguyễn Quốc T chứng kiến có nội dung chia cho ông L1 một phần diện tích 800m² trong tổng số diện tích đất đã mua. Nhưng biên bản phân chia trên không có chữ ký của ông T, ông N, ông Thứ và cũng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Hơn nữa, hiện nay ông T đã chết, ông N (hiện nay không biết ở đâu); tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2018 người làm chứng ông Nguyễn Quốc T xác định: “*Năm 1988 ông L có mời ông đến bảo vệ an ninh trật tự vì gia đình có tranh chấp với nhau. Khi ông Thứ đến thì gia đình ông L đã tự giải quyết với nhau và có lập biên bản, ông không biết nội dung biên bản như thế nào vì do ông L tự lập*”. Ông L và bà P cho rằng sau khi phân chia cho ông L1 800m² đất, phần còn lại là của ông L, ông L giao cho ông Đỗ Thanh L2 (là em của ông L1) sử dụng sau đó ông L2 tự ý giao lại cho ông L1, đến khi ông L1 chết ông L2 bán cho bà H với giá 04 chỉ vàng. Nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2018 ông L2 xác định “*Ông không biết việc ông L phân chia đất vào năm 1988 như thế nào, ông cũng không biết việc ông L có chia hay giao phần đất còn lại cho ông, ông không có sinh sống trên thửa đất trên*”. Tuy nhiên tại bản trình bày ý kiến ngày 25/10/2018, ngày 23/5/2019 của ông L2 có nội dung “*Năm 1984 ông L có chia đất cho các con, trong đó ông L1 được chia một phần ngang 8m dài theo đất, bà P 1 phần, ông L2 1 phần, phần còn lại do ông L để làm đất hương hỏa.... vì có nhiều mâu*

thuần và khó khăn nên ông L2 bán cho vợ chồng ông L1 4 chỉ vàng...” Như vậy, lời trình bày của ông L2 tại cấp sơ thẩm và sau khi Tòa cấp sơ thẩm giải quyết là có sự mâu thuẫn, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã triệu tập ông L2 đến tham gia phiên tòa 02 lần nhưng ông L2 vẫn vắng mặt không có lý do. Hơn nữa, ngoài việc cung cấp bản trình bày nêu trên thì ông L2 cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án bà H khẳng định thửa đất có diện tích 3.705,5m² là do ông L1 trực tiếp nhận chuyển nhượng từ bà H Thị T vào năm 1984, không có việc ông L đưa tiền cho ông L1 để nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên. Mặt khác, gia đình ông L1, bà H quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất nêu trên từ thời điểm nhận chuyển nhượng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998, đến năm 2005 được UBND huyện H cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng gia đình ông L không ai có ý kiến gì cho tới khi ông L1 chết năm 2009 thì mới tranh chấp. Do đó, ông L cho rằng thửa đất số 74 có diện tích 3.705,5 m² thuộc tờ bản đồ số 30 là thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông L là không có căn cứ.

[6] Từ các nhận định nêu trên xét thấy Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L buộc bà H trả lại 2.905,5m² trong diện tích 3.705,5 m² của thửa đất số 74 tờ bản đồ số 30 là có căn cứ, cần giữ nguyên nên yêu cầu kháng cáo của ông L không được chấp nhận.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận một phần.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đỗ Văn L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đỗ Văn L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã C.

Căn cứ vào Điều 164, Điều 166, Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 203 luật đất đai 2013

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đỗ Thanh L1 là 800 m² đất.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông Đỗ Văn L về việc yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kim H trả lại 2.905,5m² trong diện tích 3.705,5 m² của thửa đất số 74 tờ bản đồ số 30 trước đây đã được Ủy ban nhân dân thị xã C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H-101 cho hộ ông Đỗ Thanh L1, bà Nguyễn Thị Kim H

3. Chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Đỗ Văn L phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản được khấu trừ vào số tiền tạm ứng ông L đã nộp theo phiếu thu số 21 ngày 06/8/2018 và 4.875.000 đồng (*Bốn triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) chi phí đo đạc theo hóa đơn bán hàng ngày 02/10/2018 ông L đã nộp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đỗ Văn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 003591 ngày 11/10/2012 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Sau khi khấu trừ, Chi cục thi hành án dân sự thị xã C trả lại cho ông L số tiền 700.000 đồng (*Bảy trăm nghìn đồng*). Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông L đã nộp theo biên lai thu số 004367 ngày 14/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

